

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-02-2022

V/v: *Không công nhận vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ

2. Ông Phạm Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1977

Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn, sau đó vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà chồng ở thôn X, xã Q, huyện Yên Sơn, cuộc sống vợ chồng chị hòa thuận được 07 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực trong cuộc sống chồng hay uống rượu và đánh chị thường xuyên chị pH trốn cuộc sống hàng ngày không có hạnh phúc hòa thuận, nên giữa chị với anh H đã không chung sống với nhau nữa, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Đặng Văn Hoài, sinh ngày 08/7/1998, con chung của chị đã trưởng thành có sức khỏe và đã lập gia đình nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung chị xác nhận tự thỏa thuận, về vay nợ chị xác nhận không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ, chị không đề nghị xem xét giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Đặng Văn H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thể hiện: Chị M và anh H có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn 7, xã Quý Quân, huyện Yên Sơn. Tòa án tiến hành thông báo hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh H nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị M. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị M; Xử về quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa chị Trần Thị M và anh Đặng Văn H.

Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị M và anh Đặng Văn H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã Q, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đặng Văn H. Do đó vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Văn H không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Đặng Văn H có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại thôn X, xã Q, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh H có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc không ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M xác định hai bên lấy nhau không có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1994. Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Q cho biết, hiện tại UBND xã Q, huyện Yên Sơn không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn thời điểm năm 1994 tại UBND xã Quý Quân chỉ còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 2000 trở lại đây. Như vậy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có căn cứ chứng minh chị M và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị M và anh H mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, chị M cho rằng tình cảm không hạnh phúc, do cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực trong cuộc sống, cuộc sống hàng ngày không có hạnh phúc hòa thuận. Nay chị M có đơn khởi kiện ly hôn Tòa án xác định giữa chị M và anh H không có đăng ký kết hôn nên không công nhận vợ chồng giữa chị M và anh H.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M và anh Đặng Văn H là phù hợp quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung giữa chị M và anh H đã trưởng thành, chỉ không đề nghị giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn pH nộp án phí theo quy định của pháp luật là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị M và anh Đặng Văn H.

2. Về án phí: Chị Trần Thị M pH nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003881, ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M và anh Đặng Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Q (nơi ĐKKHKT);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Lê Hồng Việt

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Đạo Viện (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Phú Lâm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Thắng - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Phú Lâm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Kim Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Hoàng Đức Cảnh

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND thị trấn Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Hoàng Đức Cảnh

Nguyễn Thị Thu Hà